

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 45/2023/DS-ST

Ngày: 22-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngải.

Ông Nguyễn Văn Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 596/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1941 (*Có mặt*).

Địa chỉ: ấp C, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Trúc M, sinh năm: 1978 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: ấp a, xã AT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị E, sinh năm: 1959 (*Có mặt*).

Địa chỉ: ấp C, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09-8-2022, bản tự khai ngày 03-11-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Vào khoảng tháng 7 năm 2018, bà Lê Thị Trúc M có hỏi vay của ông 8.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K để làm vốn chăn nuôi. Do chỗ quen biết lâu năm, nên lúc cho vay ông không yêu cầu bà M làm biên nhận, không tính lãi, không hẹn thời hạn trả cụ thể ngày nào (Vì bà M có hứa vay tiền vài tháng sẽ trả lại cho ông). Sau đó thời gian lâu, ông có đòi nhiều lần thì bà M có trả được cho ông 03 lần với tổng số tiền 3.700.000 đồng. Còn lại 4.300.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K thì không trả nữa. Vào ngày 06-6-2022, ông có gửi đơn nhờ Tổ hòa giải Ban nhân dân ấp a, xã AT giải quyết vụ việc bà M nợ tiền, vàng của ông, nhưng bà M không đến dự các lần mời. Do một mình bà M

vay tiền, vàng của ông, nên nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả lại cho ông 4.300.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K còn nợ, không yêu cầu tính lãi và ông tự nguyện rút một phần yêu cầu số tiền 3.700.000 đồng so với yêu cầu đơn khởi kiện. Ông xác định ngoài những giấy tờ đã nộp, thì ông không nộp thêm chứng cứ khác để Tòa án xem xét. Ông là người cao tuổi, ngoài ra không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-02-2023, bị đơn bà Lê Thị Trúc M trình bày: Bà với ông Nguyễn Văn S không có họ hàng bà con, mà quen biết do ông S là người lái xe honda khách và bà hay thuê xe ông S chở bà đi công chuyện. Bà xác nhận có hỏi vay tiền 8.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K của ông S nhưng không nhớ thời gian (chỉ nhớ vay tiền cách nay hai năm mấy và vay vàng cách sau khi vay tiền khoảng 01 năm), không làm biên nhận, không người chứng kiến, không thỏa thuận thời hạn trả lại tiền, vàng. Bà vay tiền để chăn nuôi gà và sử dụng cá nhân bà, không liên quan đến người nào khác. Ông S tính tiền lãi 80.000 đồng/1.000.000 đồng tiền nợ gốc, nên mỗi tháng bà phải đóng tiền lãi là 648.000 đồng; Còn lãi vàng thì ông S tính mỗi tháng bà phải đóng là 250.000 đồng/02 chỉ vàng 24K nợ gốc. Sau khi vay tiền, bà có trả được cho ông S 03 lần (đều không nhớ ngày, không người chứng kiến) gồm: Lần đầu trả 3.000.000 đồng, lần tiếp theo trả 500.000 đồng và cách đây mấy tháng khi ông S chở bà đi hút thuốc thì bà có trả thêm 200.000 đồng, tổng cộng đã trả được 3.700.000 đồng cho ông S nhận. Số nợ gốc còn lại do chăn nuôi bị thua lỗ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên bà chưa trả được cho ông S. Bà không nhớ đã đóng bao nhiêu tiền lãi cho ông S, cũng không có chứng cứ chứng minh đã đóng lãi. Nay ông S kiện đòi bà trả lại 4.300.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K thì bà cũng đồng ý trả, nhưng xin trả dần dần. Bà không nộp chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Không yêu cầu phản tố gì trong cùng vụ án.

Tại bản tự khai ngày 14-02-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị E trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn S. Bà thống nhất với toàn bộ yêu cầu và ý kiến của ông S đã nêu là bà Lê Thị Trúc M phải trả cho ông S số nợ 4.300.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K. Bà không yêu cầu gì cho riêng bà trong cùng vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E có mặt giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày. Đối với bị đơn bà M vắng mặt nên không có lời trình bày. Các đương sự không không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo

đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, phía nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn là bà Lê Thị Trúc M chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S; Buộc bà Lê Thị Trúc M trả cho ông S số nợ gốc là 4.300.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K; Trường hợp bà M chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông S về số tiền gốc 3.700.000 đồng chênh lệch so với nội dung yêu cầu của đơn khởi kiện. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với bà M và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Văn S có đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Trúc M trả số tiền, vàng đã vay còn nợ là 4.300.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K. Nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với bà M có địa chỉ cư trú tại ấp a, xã AT, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Trúc M trả nợ tiền vay, giao dịch dân sự (cho vay tài sản) trong thời kỳ hôn nhân của ông S và bà Hồ Thị E. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-02-2023, bà M xác nhận bà sống độc thân từ năm 2021 đến nay; Vào thời điểm bà M vay tiền và vàng của ông S bà xác nhận chỉ sử dụng cho cá nhân bà, không liên quan đến ai khác. Nên xác định ông S là nguyên đơn, bà M là bị đơn, bà E là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các đương sự không tranh chấp hay yêu cầu gì với ai khác trong cùng vụ án, nên không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bà Lê Thị Trúc M là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo dự phiên đối chất, nhưng bà M đều vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà M để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 07-3-2023 tại trụ sở Tòa án, nhưng bà M vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bà M để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ

30 phút ngày 22-3-2023 tại trụ sở Tòa án, nhưng bà M vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị Trúc M theo luật định.

[4] *Về nội dung khởi kiện:* Theo Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của các bên đương sự. Giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bị đơn bà Lê Thị Trúc M cùng thống nhất xác định có việc ông S cho bà M vay và bà M còn nợ ông S số tiền 4.300.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K, nên đây là sự thật. Nay ông S yêu cầu bà M phải trả tiền nợ, bà M đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-02-2023, bà M xác nhận nợ của ông S, bà không nộp chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Xét việc bị đơn bà M chưa trả khoản tiền, vàng đã vay, nên nguyên đơn ông S yêu cầu bà M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Việc bà M xin trả dần số nợ, nhưng ông S không chấp nhận. Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến xin trả dần tiền nợ của bị đơn, khi nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về thời gian và cách thức trả nợ.

[5] *Về lãi suất:* Đối với nguyên đơn ông S xác định không yêu cầu tính lãi suất; đối với bị đơn bà M không yêu cầu phản tố trong cùng vụ án, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, ông S giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 3.700.000 đồng so với yêu cầu của đơn khởi kiện. Xét việc ông S rút một phần yêu cầu là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông S.

[7] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn S; Buộc bà Lê Thị Trúc M có trách nhiệm phải trả cho ông S số tiền đã vay còn nợ là 4.300.000 đồng và số vàng đã vay còn nợ là 02 chỉ 24K.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Yêu cầu của ông Nguyễn Văn S được chấp nhận, nên ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và ông cũng đã được Tòa án chấp nhận miễn tiền tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm do là người cao tuổi. Đối với bà Lê Thị Trúc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên số nợ phải trả cho ông S. Tính giá vàng 24K tại thời điểm ngày 22-3-2023 là 5.400.000 đồng/chỉ để tính án phí.

[9] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 91, 144, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục

1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí, lệ phí Tòa án) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S.

Buộc bị đơn bà Lê Thị Trúc M phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn S số tiền đã vay còn nợ là 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) và số vàng đã vay còn nợ là 02 (Hai) chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S đối với số tiền chênh lệch mà ông yêu cầu bà Lê Thị Trúc M trả là 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) so với nội dung yêu cầu của đơn khởi kiện.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Trúc M phải chịu 755.000đ (Bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo